**II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC**

**9. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá - 2.000162**

**9.1. Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, tổ chức, cá nhân phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

**9.2. Địa điểm thực hiện:**

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - 0273.3993889 tại địa chỉ: Số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 04 - 02773.898963 tại địa chỉ: Số 85, đường Nguyễn Huệ, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến (dichvucong.gov.vn).

**9.3 Cách thức thực hiện**:

a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

**9.4. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**9.5. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**9.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**9.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng và Đô thị.

**9. 8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

**9.9. Phí, Lệ phí:** không

**9.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo Mẫu số 11Phụ lục số 46 kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương *.*

**9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Có thay đổi các nội dung của Giấy phép.

**9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định sô 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**-** Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

- Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**9.13. Thành phần hồ sơ cần phải số hóa:**

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**9.14. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa:** Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

**Mẫu số 11**

**PHỤ LỤC 46**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(Thay thế Phụ lục 46 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------------------------------** |
| Số:       /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.......................(1)

1. Tên thương nhân : .......................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ......................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..........tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

6. Đã được Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu......................(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm......

7. Đã được Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu......................(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.......) số ....... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có)

.....................(2)....

...*(ghi rõ tên thương nhân)...(3)* kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu......................(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):*

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:..................

Thông tin mới:.............

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.......................................................................(4)

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

...........................................................................(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:...................

Thông tin mới:..........................................(5)

b) Đề nghị bổ sung:

..............................................................(6)

......(*ghi rõ tên thương nhân*)......... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** (họ và tên, ký tên, đóng dấu) |

Chú thích:

((1): Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

**9.15. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC**

9.15.1 Thời gian thực hiện: Không quá 120 giờ làm việc

9.15.2 Trình tự thực hiện

a) Thời hạn giải quyết: **15 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

b) Quy trình nội bộ và điện tử: **15 ngày làm việc**

***- Trường hợp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết (trực tuyến, trực tiếp, BCCI)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| 1 | Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến  Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | Công chức  TTPVHCC cấp xã | 01 ngày |
| 2 | Giải quyết hồ sơ  *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính )* | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 10 ngày |
| 3 | Ký tắt hồ sơ | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 1,5 ngày |
| 4 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBND  cấp xã | 1,5 ngày |
| 5 | Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC | Công chức nghiệp vụ văn thư | 01 ngày |
| 6 | Trả kết quả cho cá nhân,  tổ chức | Công chức TTPVHCC | Giờ hành chính |

* ***Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| 1 | Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết) | Công chức TTPVHCC (nơi nhận hồ sơ) | 0.5 ngày |
| 2 | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức TTPVHCC cấp xã xã (nơi có thẩm quyền giải quyết) | 0.5 ngày |
| 3 | Giải quyết hồ sơ  *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)* | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 10 ngày |
| 4 | Ký tắt hồ sơ | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 1,5 ngày |
| 5 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBND  cấp xã | 1,5 ngày |
| 6 | Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết) | Công chức nghiệp vụ văn thư | 0.5 ngày |
| 7 | Chuyển công chức TTPVHC (nơi nhận hồ sơ) | Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết) | 0.5 ngày |
| 8 | Trả kết quả cho cá nhân,  tổ chức | Công chức TTPVHCC  (nơi nhận hồ sơ) | Giờ hành chính |